

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU  
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 29/2019/DS-ST

Ngày 23-8-2019

V/v “tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lâm Thị Tuyết Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Bà Dư Thị Út

2- Bà Nguyễn Thị Bích Tuyền

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Kiều Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2019 về “tranh chấp Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Trụ sở chính: Số 266-268, đường N, phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Nguyễn Thị Xuân T – Phó phòng kinh doanh Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – chi nhánh B; địa chỉ: Số B1A, lô B, P, Trung tâm thương mại B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, theo văn bản ủy quyền số 76/2019/GUQ-CNBL ngày 17/01/2019.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Liên T - sinh năm 1978; Địa chỉ: Số nhà 04, đường M, khóm 7, phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

*(Đại diện nguyên đơn có đơn đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa).*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện ngày 17/01/2019 và các bản tự khai bà Nguyễn Thị Xuân Trang là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định:*

Ngày 17/11/2015, chị Nguyễn Liên T có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của chị T, ngày 25/11/2015 Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, chị T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 40.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay chị T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 5.191.193 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng chị T không có thiện trí trả nợ. Do chị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 01/6/2016, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Tính đến ngày 23/8/2019 chị T còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

Tiền gốc: 43.264.483 đồng

Tiền lãi quá hạn: 66.069.779 đồng

Tổng cộng: 109.334.262 đồng

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc và yêu cầu chị T có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để chị T trả nợ, tuy nhiên chị T vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng khoản nợ vay. Do đó, Ngân hàng yêu cầu chị T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/8/2019 là 109.334.262 đồng và trả lãi phát sinh tính từ ngày 24/8/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất cho vay tại hợp đồng.

*\* Bị đơn chị Nguyễn Liên T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng.*

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú hiện nay tại thành phố Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu giải quyết là đúng theo quy định. Việc cấp tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 là phù hợp.

Đối với bị đơn sau khi thụ lý vụ án Tòa án không tổng đạt được thông báo thụ lý vụ án do bị đơn không còn cư trú tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp nhưng trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng tín dụng. Ngày 22/4/2019 Tòa án có đề nghị Ngân hàng cung cấp địa chỉ hiện nay của bị đơn nhưng Ngân hàng không cung cấp được do bị đơn bỏ địa phương đi không có báo với Ngân hàng. Ngày 17/4/2019 Tòa án tiến hành xác minh ông Mã Khắc Q - Phó Ban nhân dân khóm 7, phường 1, thành phố B qua xác minh thì được biết chị Nguyễn Liên T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 04, đường M, khóm 7, phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, căn nhà này là của cha mẹ ruột của chị T đang sinh sống nhưng hiện nay chị T không có sinh sống tại địa chỉ này, chị T bỏ địa phương đi, khi đi không có báo với địa phương nên địa phương không nắm rõ hiện nay chị T đang ở đâu và làm gì. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì trong trường hợp này bị đơn được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành niêm yết theo quy định pháp luật tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn chị Nguyễn Liên T, có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 04, đường M, khóm 7, phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, nên đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về thời hiệu khởi kiện*: Đây quan hệ về tranh chấp hợp đồng tín dụng, đến ngày 01/6/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Căn cứ Điều 429, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[4] *Về nội dung vụ án*:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ tính đến ngày 23/8/2019 là 109.334.262 đồng (trong đó, tiền gốc: 43.264.483 đồng, tiền lãi quá

hạn: 66.069.779 đồng) và trả lãi phát sinh tính từ ngày 24/8/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất cho vay tại hợp đồng.

Xét thấy: Mặc dù bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng nhưng căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như đơn giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định bị đơn có ký kết hợp đồng vay tiền của Ngân hàng và được Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân với lãi suất thỏa thuận vay tại thời điểm làm thẻ là 2,5%/tháng đối với giao dịch rút tiền mặt, 2,15%/tháng đối với giao dịch mua hàng hóa, lãi quá hạn: 150% lãi trong hạn là có xảy ra trên thực tế.

Căn cứ vào 1.19 Điều 1 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S quy định: *“Ngày đến hạn là ngày cuối cùng mà chủ thẻ phải thanh toán số tiền đến hạn hoặc số tiền tối thiểu được ghi trên thông báo giao dịch hàng tháng”*.

Căn cứ vào Điều 22 về cách tính lãi, Điều 24 về các loại phí của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Căn cứ vào Điều 23 về vi phạm của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, quy định: *“Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm hợp đồng... khi sự kiện vi phạm xảy ra, chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng đơn vị phát hành thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động như sau:*

*Chấm dứt quyền sử dụng thẻ và tiến hành việc thu hồi toàn bộ nợ*

*Áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố tại thời điểm hiện tại)...”*

Căn cứ khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay *“bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”*.

Tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 24 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định nghĩa vụ của bên vay là: *Trả nợ gốc và lãi vốn vay theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng*.

Tại Điều 1 Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước quy định: *“Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng”*.

Từ những căn cứ nêu trên xét thấy, bị đơn chị Nguyễn Liên T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng như thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kết giữa các bên,

Ngân hàng đã phát hành các thông báo yêu cầu chị T thanh toán nợ nhưng chị T vẫn không thanh toán nên ngày 01/6/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là đúng quy định của pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc chị Nguyễn Liên T trả số tiền nợ tính đến ngày 23/8/2019 là 109.334.262 đồng (trong đó, tiền gốc: 43.264.483 đồng, tiền lãi quá hạn: 66.069.779 đồng) và trả lãi phát sinh tính từ ngày 24/8/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất cho vay tại hợp đồng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Chị T phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền 109.334.262 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng như sau: 109.334.262 đồng x 5% = 5.466.713 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Căn cứ vào:**

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 5 Điều 177, Điều 179; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

-điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 429, 688 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 24 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về việc Ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng;

- Căn cứ Điều 1 Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc chị Nguyễn Liên T trả số tiền nợ tạm tính đến ngày 23/8/2019 tiền gốc là 43.264.483 đồng, tiền lãi quá hạn là 66.069.779 đồng, tổng cộng: 109.334.262 đồng (Một trăm lẻ chín triệu, ba trăm ba mươi bốn nghìn, hai trăm sáu mươi hai đồng).

Ngoài ra, kể từ ngày 24/8/2019 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, chị Nguyễn Liên T còn phải trả nợ cho Ngân hàng Thương Mại Cổ phần S số tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

2/. Về án phí: Chị Nguyễn Liên T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.466.713 đồng.

Ngân hàng Thương Mại Cổ phần S không phải chịu án phí. Ngân hàng đã dự nộp tạm ứng án phí 2.366.000 đồng (Hai triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) tại biên lai thu số 0000359 ngày 05 tháng 3 năm 2019 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, nay được hoàn lại toàn bộ.

3/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thành Tp. Bạc Liêu;
- CCTHADS Tp. Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lâm Thị Tuyết Anh**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bạc Liêu, ngày 05 tháng 9 năm 2017*

## **BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi giờ ngày 05 tháng 9 năm 2017.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Quỳnh

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hòa

Bà Nguyễn Thị Bích Tuyền

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 109/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2017 về việc “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng

- Bị đơn: Anh Tăng Tấn Kha

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Sau khi nghị án Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3 các nội dung sau:

- Khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 91; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng.

Buộc anh Tăng Tấn Kha có trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng số tiền nợ vốn là 10.056.850 đồng, nợ lãi là 2.614.150 đồng, tổng vốn và lãi là 12.671.000 đồng, (mười hai triệu, sáu trăm bảy mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền trên đây, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2/. Về án phí: Anh Tăng Tấn Kha phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 633.550 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng không phải chịu án phí. Ngân hàng đã dự nộp tạm ứng án phí 317.000 đồng tại biên lai thu số 0007474 ngày 16 tháng 6 năm 2017 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ.

3/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi .... giờ..... phút, ngày 05 tháng 9 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

